TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/DS-PT
Ngày: 09 - 4 - 2024
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy;

Bà Phan Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Văn Mai - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 09 tháng 04 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giangxét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; (có mặt)

1.2 Bà Võ Yến K, sinh năm 1989; (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phạm Văn N, sinh năm 1980; (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

2.2 Bà Trần Thị N1, sinh năm 1987; (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 30, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Tổ A, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn N và bà Trần Thị N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị K1 trình bày:

Vợ chồng ông T, bà K1 kinh doanh thức ăn thủy sản tại ấp T, xã N. Từ tháng 9 năm 2022 đến nay, ông N và bà N1 có đến cửa hàng để mua thức ăn phục vụ chăn nuôi trong gia đình và nợ ông bà số tiền 3.124.000đồng.

Đến ngày 01/3/2023, ông N và bà N1 gặp khó khăn, cần tiền xoay sở trong gia đình nên có đến hỏi vợ chồng ông T, bà K1 số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận thời gian vay 01 tháng, không lãi suất, do là chỗ quen biết nên không lập văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Đến thời hạn thanh toán, vợ chồng ông T, bà K1 có thông báo đến ông N và bà N1 về tổng số tiền ông bà nợ là 28.124.000đồng. Do làm ăn không được thuận lợi nên ông N, bà N1 chỉ thanh toán được 5.000.000đồng, số tiền còn lại xin hẹn lại một thời gian, thấy được hoàn cảnh ông bà nên vợ chồng ông T, bà K1 đồng ý.

Sau nhiều lần nhắc nhở đến tháng 8/2023, ông N và bà N1 vẫn không thanh toán nên ông T, bà K1 có gửi đơn đến Ban nhân dân ấp tắc T1 để yêu cầu giải quyết. Tại biên bản hòa giải của Ban N2, xã N bà N1 thừa nhận còn nợ ông T, bà K1 số tiền 22.124.000đồng sau khi khấu trừ 1.000.000đồng tiền huê hồng từ việc mua bán thức ăn. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất được phương thức thanh toán nên hòa giải không thành.

Sau khi hòa giải vợ chồng ông T, bà K1 liên tục yêu cầu ông N và bà N1 phải thanh toán số tiền nêu trên nhưng ông bà trốn tránh không thực hiện. Do đó, ông T và bà K1 yêu cầu ông N, bà N1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 24.778.880đồng gồm vốn 22.124.000đồng và chịu lãi suất 2%/tháng từ ngày 01/4/2023 đến khi xét xử, lãi suất tạm tính đến ngày 01/10/2023 là 2.654.880đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà K1 thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất của số tiền vốn 22.124.000đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

* Bị đơn bà Trần Thị N1 trình bày:

Bà và ông N chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn và có 01 người con chung 12 tuổi. Bà thống nhất với lời trình bày của đồng nguyên đơn về nội dung vay tiền, thời gian vay, số tiền nợ lại, mục đích vay để nuôi cá rô phục vụ kinh tế gia đình. Nay do hoàn cảnh khó khăn, vụ mùa thua lỗ nên không thể thanh toán một lần cho ông T, bà K1 nên bà xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi xong, xin miễn lãi.

* Bị đơn ông Phạm Văn N trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: Ông và bà N1 chung sống với nhau như vợ chồng sau khi vợ ông qua đời, ông bà không đăng ký kết hôn và có 01 người con chung 12 tuổi. Ông bà vay tiền của ông T, bà K1 để nuôi cá rô phục vụ kinh tế gia đình, ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn đối với số tiền vốn 22.124.000đồng, đối với lãi suất yêu cầu tính 2%/tháng là cao, ông đồng ý chịu lãi suất theo quy định của pháp luật, đồng thời ông xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi xong.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 212, 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 288, 429, 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông Phạm Văn N và bà Trần Thị N1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn T – bà Võ Yến K tổng số tiền 23.960.292đồng (trong đó tiền gốc 22.124.000đồng, lãi suất 1.836.292đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự; về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 23/01/2024, bị đơn ông Phạm Văn N và bà Trần Thị N1 có đơn kháng cáo với nội dung: Xem xét lại phần lãi suất của bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông T, bà K vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông N, bà N1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn ông N, bà N1 có ý kiến: do khó khăn nên chỉ đồng ý trả số tiền vốn 22.124.000đồng, xin không trả số tiền lãi 1.836.292đồng như án sơ thẩm tuyên.

- Nguyên đơn ông T, bà K có ý kiến: đồng ý chỉ yêu cầu ông N, bà N1 trả số tiền vốn 22.124.000đồng; không yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vốn 22.124.000đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng kháng cáo của bị đơn là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn N và bà Trần Thị N1; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 11/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện A: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, buộc bị đơn trả số tiền vốn 22.124.000đồng cho nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phạm Văn N và bà Trần Thị N1 làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn N và bà Trần Thị N1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Các đương sự ông T, bà K và ông N, bà N1 cùng thống nhất mốc thời gian vay tiền là tháng 3/2023, số tiền vay 25.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng và không thỏa thuận lãi; sau đó ông N, bà N1 đã trả ông T, bà K số tiền 5.000.000đồng và xác định số tiền còn nợ lại là 22.124.000đồng - sau khi trừ tiền huê hồng 1.000.000đồng thức ăn nuôi cá; Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm ông N, bà N1 đồng ý việc tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 10/4/2023 đến khi xét xử sơ thẩm theo yêu cầu của ông T, bà K. Do đó, cấp sơ thẩm đã tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vốn 22.124.000đồng và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: về việc ông Phạm Văn N và bà Trần Thị N1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn T, bà Võ Yến K tổng số tiền 23.960.292đồng (trong đó tiền gốc 22.124.000đồng, lãi suất 1.836.292đồng), là phù hợp quy định pháp luật.

Nay tại phiên tòa phúc thẩm, ông N và bà N1 kháng cáo xin không trả số tiền lãi 1.836.292đồng và được ông T, bà K đồng ý. Sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện, không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, bà N1; sửa bản án của sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông N, bà N1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T, bà K số tiền vốn 22.124.000đồng (hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn đồng), như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T, bà Võ Yến K được hoàn lại số tiền 619.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0008637 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Bà N1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp hộ cận nghèo.

Ông N phải chịu số tiền 553.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông N, bà N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn N, bà Trần Thị N1;

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 212, 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 288, Điều 429, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; khoản 2, khoản 8 và khoản 9 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông Phạm Văn N và bà Trần Thị N1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Võ Yến K số tiền vốn 22.124.000đồng (hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Võ Yến K được hoàn lại số tiền 619.000đồng (sáu trăm mười chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008637 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

- Bà Trần Thị N1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Văn N phải chịu số tiền 553.000đồng (năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm:

Ông Phạm Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông N số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009211 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THA-DS huyện A;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Minh Châu